



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Cho Từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2017	01/04/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		179.823.897.112	188.540.555.397
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1	1.230.594.653	1.048.642.109
111	1. Tiền		1.230.594.653	1.048.642.109
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2	65.000.000.000	60.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		65.000.000.000	60.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		112.584.468.855	127.016.108.070
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3	27.791.916.551	13.766.904.998
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	10.800.059.486	164.759.188
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		6.547.322.645	-
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	7	76.262.368.571	121.901.642.282
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(8.817.198.398)	(8.817.198.398)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	8	-	-
140	IV. Hàng tồn kho	8	57.650.000	57.650.000
141	1. Hàng tồn kho		57.650.000	57.650.000
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		951.183.604	418.155.218
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	754.771.570	221.743.184
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		176.099.811	176.099.811
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	20.312.223	20.312.223
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác	12	-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		691.982.725.670	645.133.094.944
220	II. Tài sản cố định		271.482.134.685	280.457.204.567
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	261.691.431.797	269.372.871.265
222	- Nguyên giá		371.633.855.571	370.288.174.629
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(109.942.423.774)	(100.915.303.364)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	9.790.702.888	11.084.333.302
228	- Nguyên giá		20.397.788.023	20.397.788.023
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(10.607.085.135)	(9.313.454.721)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	4.259.609.550	-
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.259.609.550	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	2	405.862.753.596	354.288.188.260
251	1. Đầu tư vào công ty con		451.556.049.750	430.864.926.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		12.248.356.000	12.248.356.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	627.044.400
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(57.941.652.154)	(89.452.138.140)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		10.378.227.839	10.387.702.117
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		10.378.227.839	10.387.702.117
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		871.806.622.782	833.673.650.341

101 038 - 101

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2017	01/04/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		118.195.962.627	76.558.949.640
310	I. Nợ ngắn hạn		100.054.307.623	59.373.163.496
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	206.212.121	6.173.147.673
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	15.932.000.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.537.788.800	500.096.189
314	4. Phải trả người lao động		4.647.193.547	4.543.530.326
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.169.613.639	5.484.341.016
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	16.004.404.603	5.894.561.779
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	17	9.150.859.908	11.397.349.524
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	48.577.842.388	19.986.435.633
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	-	-
322	12. Quỹ khen thưởng phúc lợi		828.392.617	5.393.701.356
330	II. Nợ dài hạn		18.141.655.004	17.185.786.144
337	7. Phải trả dài hạn khác	17	10.412.719.773	9.427.852.743
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		1.676.246.135	1.705.244.305
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn	19	-	-
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		6.052.689.096	6.052.689.096
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		753.610.660.155	757.114.700.701
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	753.610.660.155	757.114.700.701
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		673.419.530.000	673.419.530.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		673.419.530.000	673.419.530.000
411b	Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		14.895.512.634	14.895.512.634
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		(6.840.260.634)	(6.840.260.634)
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		72.135.878.155	75.639.918.701
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		50.973.278.864	6.212.220.852
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		21.162.599.291	69.427.697.849
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		831.806.622.782	833.673.650.341

NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG
 Kế toán trưởng

LÊ THANH SƠN
 Giám đốc tài chính

NGUYỄN TRUNG CHÍNH
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Lũy kế từ 01/04/2017 đến 30/09/2017	Lũy kế từ 01/04/2016 đến 30/09/2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	36.034.058.708	29.638.734.031	57.813.173.865	57.789.379.654
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		36.034.058.708	29.638.734.031	57.813.173.865	57.789.379.654
11	4. Giá vốn hàng bán	20	21.736.996.851	20.090.984.004	31.227.127.091	37.110.163.565
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.297.061.857	9.547.750.027	26.586.046.774	20.679.216.089
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.232.188.822	971.614.761	26.125.686.912	16.241.599.556
22	7. Chi phí tài chính	22	(16.725.600.464)	(4.765.390.207)	(30.047.788.441)	(4.228.111.540)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		504.640.789	442.030.139	1.064.081.928	979.308.699
24	8. Chi phí bán hàng		208.488.846	297.857.420	440.967.802	517.813.670
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		11.023.446.153	8.183.690.225	20.453.807.299	18.056.168.625
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.022.916.144	6.803.207.350	61.864.747.026	22.574.944.890
31	11. Thu nhập khác		110.684.977	-	1.003.083.897	-
32	12. Chi phí khác		-	-	-	-
40	13. Lợi nhuận khác		110.684.977	-	1.003.083.897	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.133.601.121	6.803.207.350	62.867.830.923	22.574.944.890
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(28.998.170)	(28.998.170)	(28.998.170)	(28.998.170)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		21.162.599.291	6.832.205.520	62.896.829.093	22.603.943.060

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc tài chính



Lê Thanh Sơn

Nguyễn Trung Chính



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuy ết minh	Từ 01/04/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		71.284.136.349	62.819.237.321
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(22.533.850.187)	(21.670.259.511)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(11.348.400.363)	(8.937.666.021)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(1.175.100.731)	(348.711.523)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.908.226.272	17.925.851.342
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(24.182.661.932)	(28.320.447.862)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		18.952.349.408	21.468.003.746
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.148.953.779)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(64.539.359.455)	(77.274.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		57.000.000.000	21.818.635.217
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(20.691.123.750)	(13.709.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		53.665.325.820	39.326.981.972
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		17.285.888.836	(29.837.382.811)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền thu từ đi vay		134.966.583.915	81.189.996.827
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(106.229.916.065)	(25.782.272.439)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(64.792.953.550)	(51.604.720.880)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(36.056.285.700)	3.803.003.508
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		181.952.544	(4.566.375.557)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.048.642.109	6.854.126.125
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		1.230.594.653	2.287.750.568



NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG
 Kế toán trưởng



LÊ THANH SƠN
 Giám đốc tài chính





NGUYỄN TRUNG CHÍNH
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017.

1 . THÔNG TIN CHUNG

1 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC được chuyển đổi từ Công ty TNHH Máy Tính Truyền thống và được thành lập Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tòa nhà CMC Tower - Phố Duy Tân - Phường Dịch Vọng Hậu - Quận Cầu Giấy - Hà Nội. Vốn điều lệ của Công ty là 673.419.530.000 VND (Sáu trăm bảy mươi ba tỷ bốn trăm mười chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) tương đương 67.341.953 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

2 . Lĩnh vực kinh doanh

Công nghệ thông tin

3 . Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103015824 được thay đổi lần 05 ngày 09 tháng 11 năm 2011, hoạt động kinh doanh của

- Dịch vụ thuê và cho thuê nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Kinh doanh, đầu tư, môi giới và quản lý bất động sản;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, thiết bị, vật tư phục vụ trong sản xuất, khoa học kỹ thuật và chuyên giao
- Sản xuất, mua bán trang thiết bị y tế;
- Dịch vụ huấn luyện và đào tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp phần mềm và nội dung, xuất bản phần mềm; dịch vụ xử lý dữ liệu và
- Tích hợp hệ thống, tư vấn đầu tư, cung cấp các giải pháp tổng thể và dịch vụ hạ tầng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông và phát thanh truyền hình.

4 . Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty thời gian 1 năm từ ngày 01 tháng 04 năm nay đến ngày 31 tháng

5 . Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Xí nghiệp	Quận 5 - Thành phố HCM	Công nghệ thông tin, viễn thông và kinh
Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty		
Công ty con trực tiếp	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Tầng 14 - Tòa nhà CMC Tower	Sản xuất phần mềm, cung cấp giải pháp phần mềm, cung cấp các dịch vụ phần mềm và nội dung, cung cấp dịch vụ thuê ngoài phần mềm, giải pháp ERP.
Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại CMC	Tầng 12 - Tòa nhà CMC Tower	Phân phối các sản phẩm Công nghệ thông tin và Viễn thông.
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Số 2 Ngách 33/2 Ngõ 64 Nguyễn Lương Bằng, Hà nội	Cung cấp các giải pháp, phần mềm, dịch vụ bảo mật hệ thống, an ninh an toàn thông tin.
Công ty TNHH CMC Blue France	Cộng Hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài công nghệ thông tin (ITO) và dịch vụ thuê ngoài tác nghiệp (RPO).
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Tầng 15 - Tòa nhà CMC Tower	Thiết lập hạ tầng mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông cố định và internet.
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Tầng 17 - Tòa nhà CMC Tower	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông.

Mẫu B09 - DN

Công ty TNHH CMC Global	Tầng 9 - Tòa nhà CMC Tower	Sản xuất và lắp ráp máy tính Thương hiệu Việt Nam, phân phối các sản phẩm công nghệ thông tin.
Công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Liên doanh Ciber-CMC	Tầng 13 - Tòa nhà CMC Tower	Sản xuất phần mềm, cung cấp các dịch vụ phần mềm ERP của SAP, đào tạo và cung cấp nhân lực tư vấn phần mềm cao cấp.
Công ty Cổ phần NetNam	Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ về mạng Internet
Công ty con gián tiếp thông qua các khoản đầu tư của Công ty con trực tiếp:		
Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC Sài Gòn (CSI Sài Gòn)	TP HCM	Cung cấp các giải pháp về CNTT
Công ty TNHH Máy tính CMS	Tầng 12 - Tòa nhà CMC Tower	Sản xuất và lắp ráp máy tính Thương hiệu Việt Nam, phân phối các sản phẩm công nghệ thông tin.
Công ty Cổ phần CMC Japan	Yokohama World Business Support Center (WBC) Yokoham World Porters 6F 2-2-1 Shinko, Naka - ku, Yokohama, Kanagawa, Japan	Xuất bản phần mềm, lập trình máy tính và cung cấp dịch vụ công nghệ (thông tin).

II . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III . Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

- Chế độ kế toán áp dụng
 Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
 Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.
- Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh
 Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp thay thế

III . Các chính sách kế toán áp dụng

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**
 Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian
- Nguyên tắc kế toán cá khoản đầu tư tài chính**
 - Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tin phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.
 - Các khoản đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lợi của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung. Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu và phải trả về bán hàng và cung cấp dịch vụ, cho vay, đi vay với Công ty con, Công ty liên kết của Công ty phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty về khả năng thu hồi của khoản nợ căn cứ vào các thông tin có liên quan.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở nơi bán.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 45 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Phần mềm máy vi tính	08 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	03 năm

Đối với tài sản là Tòa nhà Tri thức, Công ty nắm giữ với mục đích lâu dài để nghiên cứu, phát triển và cung cấp hàng hóa. Đối với tài sản là Tòa nhà Tri thức, Công ty nắm giữ với mục đích lâu dài để nghiên cứu, phát triển và cung cấp hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin và tạm thời sử dụng để cho thuê. Do đó Công ty không tách riêng rẽ giá trị tài sản do chủ sở hữu sử dụng và giá trị tài sản cho thuê, vì vậy toàn bộ giá trị Tòa nhà Tri thức được Công ty theo dõi trên Khoản mục Tài sản cố định hữu hình.

6. Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả được theo dõi trên sổ kế toán chi tiết theo từng đối tượng theo nguyên tắc.

Các khoản nợ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi (theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo được ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này, và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng có liên quan.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu được ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư tương ứng với số tiền cổ tức được chia.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán. Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Các khoản được ghi nhận vào giá vốn trong kỳ phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu của doanh nghiệp

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

VI . Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2017	01/04/2017
	VND	VND
Tiền mặt	487.812.416	145.879.491
Tiền gửi ngân hàng	742.782.237	902.762.618
Các khoản tương đương tiền	-	-
	1.230.594.653	1.048.642.109

2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/09/2017	01/04/2017
	VND	VND
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	65.000.000.000	60.000.000.000
Khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng tại BIDV - CN SGD1		

2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	30/09/2017		01/04/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	451.556.049.750	(57.941.652.154)	430.864.926.000	(88.825.093.740)
- Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC (i)	50.000.000.000		50.000.000.000	
- Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC (ii)	70.000.000.000		70.000.000.000	
- Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	20.756.000.000	(10.433.000.746)	20.756.000.000	(8.150.156.745)
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC (iii)	100.000.000.000	(42.144.115.408)	100.000.000.000	(75.310.400.995)
- Công ty TNHH CMC Blue France (iv)	5.364.536.000	(5.364.536.000)	5.364.536.000	(5.364.536.000)
- Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	184.544.390.000		184.544.390.000	
- Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	891.123.750		200.000.000	
- Công ty TNHH CMC Global	20.000.000.000			
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.248.356.000	-	12.248.356.000	-
- Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber CMC	4.990.000.000	-	4.990.000.000	-
- Công ty Cổ phần Netnam	7.258.356.000	-	7.258.356.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	627.044.400	(627.044.400)
- Công ty TNHH Vijagate			627.044.400	(627.044.400)
Tổng cộng	463.804.405.750	(57.941.652.154)	443.740.326.400	(89.452.138.140)

3 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2017	01/04/2017
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan	15.394.155.370	6.173.875.840
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC	4.889.524.195	1.594.964.297
Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC	1.212.108.378	718.066.104
Công ty Cổ phần an ninh an toàn thông tin CMC	1.939.896.859	1.423.384.882
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	1.237.500	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	5.040.903.407	2.376.530.677
Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC Sài Gòn	1.230.556	60.929.880
Công ty Cổ phần Liên doanh Cyber - CMC	513.848.467	-
Công ty TNHH CMC Global	1.795.406.008	-
Phải thu các khách hàng khác	12.397.761.181	7.593.029.158
Khách hàng ngoài	12.397.761.181	-
	27.791.916.551	13.766.904.998
5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN	30/09/2017	01/04/2017
	VND	VND
- Trả trước cho người bán khác	3.902.759.986	164.759.188
- Trả trước cho các bên liên quan	6.897.299.500	-
	10.800.059.486	164.759.188
7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC	30/09/2017	01/04/2017
	VND	VND
a) Phải thu các bên liên quan	70.577.301.886	110.339.460.666
- Phải thu lãi cho vay	6.686.671.259	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận	35.642.815.469	69.056.893.569
Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC Sài Gòn	2.230.125.034	-
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC	22.160.810.023	23.675.832.583
Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC	11.251.880.412	45.381.060.986
- Các khoản chi hộ và dịch vụ khác	28.247.815.158	41.282.567.097
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC	9.949.803.140	15.886.712.449
Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC	3.509.429.729	5.869.565.646
Công ty Cổ phần an ninh an toàn thông tin CMC	2.488.420.026	5.362.158.618
Trung tâm phát triển nguồn lực	423.011.604	-
Công ty TNHH CMC Blue France	6.250.054.278	6.250.054.278
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	86.563.068	207.703.606
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	197.266.304	106.239.104
Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC Sài Gòn	5.214.448.261	7.471.314.648
Công ty TNHH Máy tính CMS	128.818.748	128.818.748
b) Phải thu các tổ chức, cá nhân khác	5.685.066.686	11.562.181.616
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	428.939.500	147.841.000
Tiền lãi cho vay	-	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	771.988.889	2.982.447.223
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.484.138.297	8.431.893.393
	76.262.368.572	121.901.642.282
8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG	30/09/2017	01/04/2017
	VND	VND
- Mua sắm Tài sản cố định	79.500.000	-
- Dự án phần mềm kế toán CeAC	79.500.000	-
- Xây dựng cơ bản	3.573.905.000	-
- Dự án Tòa nhà Tp HCM	103.500.000	-
- Dự án Hạ tầng Kỹ thuật	3.470.405.000	-

- Sửa chữa lớn	606.204.550	-
- <i>Trung tâm phát triển nguồn lực</i>	606.204.550	-
	4.259.609.550	-

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết phụ lục 01

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền phần mềm máy tính VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	195.615.549	20.143.172.474	59.000.000	20.397.788.023
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	195.615.549	20.143.172.474	59.000.000	20.397.788.023
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	16.301.295	9.884.968.633	59.000.000	9.960.269.928
- Khấu hao trong kỳ	9.780.777	637.034.430	-	646.815.207
Số dư cuối kỳ	26.082.072	10.522.003.063	59.000.000	10.607.085.135
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu	179.314.254	10.258.203.841	-	10.437.518.095
Tại ngày cuối	169.533.477	9.621.169.411	-	9.790.702.888

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Ngắn hạn

- Công cụ, dụng cụ ngắn hạn chờ phân bổ
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác

	30/09/2017	01/04/2017
	743.971.571	201.686.041
	10.800.001	20.057.143
	754.771.572	221.743.184

b) Dài hạn

- Công cụ, dụng cụ dài hạn chờ phân bổ
- Tiền thuê đất Khu CNC TPHCM
- Chi phí môi giới cho thuê văn phòng
- Phí trước bạ nhà đất
- Chi phí sửa chữa Văn phòng

	30/09/2017	01/04/2017
	154.692.526	163.553.062
	8.140.618.147	8.233.476.913
	1.261.506.666	1.414.969.233
	453.559.663	459.730.543
	367.850.837	115.972.366
	10.378.227.839	10.387.702.117

12 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay ngắn hạn

- Vay thấu chi ngắn hạn ngân hàng
- Vay cá nhân
- Cộng

	30/09/2017	01/04/2017
	33.840.461.478	-
	14.737.380.910	19.986.435.633
	48.577.842.388	19.986.435.633

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Mẫu B09 - DN

	30/09/2017	01/04/2017
	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn		
- Phải trả các bên liên quan	64.702.462	5.903.907.071
- Phải trả các nhà cung cấp khác	141.509.659	269.240.602
	<u>206.212.121</u>	<u>6.173.147.673</u>
14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC		
	30/09/2017	01/04/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Trả trước của các bên liên quan		
- Trả trước của khách hàng khác	15.932.000.000	-
Cộng	<u>15.932.000.000</u>	<u>-</u>
15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC		
Xem chi tiết phụ lục 02		
16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ		
	30/09/2017	01/04/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Thủ lao HĐQT và BKS	268.200.000	174.000.000
- Chi phí lãi vay phải trả	34.288.509	4.000.000
- Chi phí thuê đất	263.148.750	263.148.750
- Trích trước chi phí dự án tầng 19		1.449.583.267
- Chi phí quản lý tòa nhà	1.200.107.271	3.593.608.999
- Chi phí khác	1.403.869.109	-
	<u>3.169.613.639</u>	<u>5.484.341.016</u>
17 . PHẢI TRẢ KHÁC		
	30/09/2017	01/04/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phải trả các bên liên quan	1.379.246.708	2.092.172.129
Phải trả các tổ chức, cá nhân khác	7.771.613.200	9.305.177.395
- Kinh phí công đoàn	138.646.135	108.463.452
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.191.983.840	4.483.731.694
- Lãi vay phải trả	204.700.463	346.007.775
- Phải trả tiền vay khác		630.348.654
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	596.030.625	630.127.480
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.640.252.137	3.106.498.340
	<u>9.150.859.908</u>	<u>11.397.349.524</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.412.719.773	9.427.852.743
	<u>10.412.719.773</u>	<u>9.427.852.743</u>
18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN		
	30/09/2017	01/04/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu cho thuê văn phòng nhận trước	16.004.404.603	5.894.561.779
	<u>16.004.404.603</u>	<u>5.894.561.779</u>
19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Xem chi tiết phụ lục 03		
20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	11.508.065.060	8.904.114.327
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.525.993.648	20.734.619.704
	36.034.058.708	29.638.734.031
21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	21.736.996.851	20.090.984.004
	21.736.996.851	20.090.984.004
22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	615.085.822	971.614.761
Cổ tức, lợi nhuận được chia	617.103.000	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	
	1.232.188.822	971.614.761
23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	504.640.789	442.030.139
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
Hoàn nhập Dự phòng giảm giá tư tài chính dài hạn	(17.230.241.253)	(5.207.420.346)
	(16.725.600.464)	(4.765.390.207)
24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG		
	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Chi phí môi giới khách hàng thuê văn phòng	208.488.846	297.857.420
	208.488.846	297.857.420
25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
	11.023.446.153	8.183.690.225
26 . THU NHẬP KHÁC		
	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Tiền phạt thu được	110.684.977	-
Các khoản thu hộ		
	110.684.977	-
27 . CHI PHÍ KHÁC		

	Mẫu B09 - DN	
	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Chi hộ khác	-	-
	-	-

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	21.133.601.121	6.803.207.350
Các khoản điều chỉnh tăng	253.700.000	72.510.000
- Chi phí không hợp lệ	380.024.177	-
- Thủ lao HDQT và BKS không trực tiếp tham gia điều hành	268.200.000	72.510.000
Các khoản điều chỉnh giảm	617.103.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	617.103.000	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	20.770.198.121	6.875.717.350
Lỗi các năm trước còn được chuyển	20.770.198.121	6.875.717.350
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động KD chính	-	-

. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

- a) Tài sản thuế Thu nhập hoãn lại
 b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Thuế Thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chi phí khấu hao thiết bị tòa nhà CMC. Chi tiết phát sinh như sau:		
Tại ngày đầu kỳ	1.705.244.305	1.763.240.645
Ghi nhận vào KQKD trong kỳ	(28.998.170)	(28.998.170)
Tại ngày cuối kỳ	1.676.246.135	1.734.242.475
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.676.246.135	1.734.242.475

NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG
 Kế toán trưởng

LÊ THANH SƠN
 Giám đốc tài chính



NGUYỄN TRUNG CHÍNH
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Tòa nhà CMC Tower - số 11 Phố Duy Tân - Phường Dịch Vọng

Hậu

Quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

Phụ lục 1 : Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	232.376.127.652	136.234.277.022	2.687.961.806	371.298.366.480
Số tăng trong kỳ	-	-	335.489.091	335.489.091
- <i>Mua trong kỳ</i>	-	-	335.489.091	335.489.091
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	232.376.127.652	136.234.277.022	3.023.450.897	371.633.855.571
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	27.504.452.999	75.610.187.945	2.298.085.383	105.412.726.327
Số tăng trong kỳ	1.142.627.865	3.381.327.917	5.741.665	4.529.697.447
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	1.142.627.865	3.381.327.917	5.741.665	4.529.697.447
- <i>Tặng khác</i>	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-
Số cuối kỳ	28.647.080.864	78.991.515.862	2.303.827.048	109.942.423.774
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	204.871.674.653	60.624.089.077	389.876.423	265.885.640.153
Tại ngày cuối kỳ	203.729.046.788	57.242.761.160	719.623.849	261.691.431.797

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

CMC Tower - Số 11 Phố Duy Tân - Phường Dịch Vọng Hậu

Báo cáo tài chính tổng hợp

Từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

Phụ lục 02 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ 1/4/2017	Số phải nộp đầu kỳ 1/4/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ 30/09/2017	Số phải nộp cuối kỳ 30/09/2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	176.099.811	855.601.483	3.311.400.330	2.891.759.408	176.099.811	1.275.242.405
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	20.312.223				20.312.223	
- Thuế Thu nhập cá nhân		140.590.983	1.188.840.236	1.066.884.824		262.546.395
- Các loại thuế khác						
	<u>196.412.034</u>	<u>996.192.466</u>	<u>4.500.240.566</u>	<u>3.958.644.232</u>	<u>196.412.034</u>	<u>1.537.788.800</u>

Phụ lục 03: BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu Vốn đầu tư của CSH	VND		VND		Cộng
	VND	VND	VND	VND	
Số dư tại ngày 01/04/2016	673.419.530.000	14.895.512.634	(6.840.260.634)	60.568.182.279	742.042.964.279
Lợi nhuận từ 01/4/2016 đến 31/3/2017				83.128.585.422	83.128.585.422
Trích quỹ KTPL 2015+ 2016				(4.443.135.498)	(4.443.135.498)
Trích Quỹ thưởng HĐQT, BKS năm 2015+2016				(2.306.699.760)	(2.306.699.760)
Chia cổ tức, lợi nhuận từ lợi nhuận năm trước				(52.994.155.200)	(52.994.155.200)
Trích Quỹ PTKHCN				(8.312.858.542)	(8.312.858.542)
Số dư tại ngày 31/03/2017	673.419.530.000	14.895.512.634	(6.840.260.634)	75.639.918.701	757.114.700.701
Số dư tại ngày 01/04/2017	673.419.530.000	14.895.512.634	(6.840.260.634)	75.639.918.701	757.114.700.701
Lãi/(lỗ) trong kỳ này				62.896.829.093	62.896.829.093
Trích Quỹ thưởng HĐQT, BKS năm bổ sung				(158.175.639)	(158.175.639)
Chia cổ tức, lợi nhuận từ lợi nhuận năm trước				(66.242.694.000)	(66.242.694.000)
Số dư tại ngày 30/09/2017	673.419.530.000	14.895.512.634	(6.840.260.634)	72.135.878.155	753.610.660.155



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC**

---*---

Số: *13A* /2017/CMC-VPHDQT
V/v: Giải trình biến động BCTC Công ty Mẹ
từ 01/07/2017 đến 30/09/2017

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---*---

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2017.

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh**

Trước hết Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC xin gửi lời chào trân trọng đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh và xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, hỗ trợ của các Quý Cơ quan trong thời gian qua.

Căn cứ theo Điều 10 Khoản 3.2. Thông tư 52/2012/TT- CBTT Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán "...*Trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ mười phần trăm (10%) trở lên hoặc kết quả kinh doanh trong quý bị lỗ, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải giải trình rõ nguyên nhân trong báo cáo tài chính quý đó...*", Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC xin giải trình về việc biến động Báo cáo Tài chính Tổng hợp Quý II năm 2017 (kỳ kế toán từ 01/07/2017 đến 30/09/2017) như sau:

Lợi nhuận trên BCTC Tổng hợp riêng cho Công ty Mẹ Quý II năm 2017 tăng so với Quý II năm 2016 từ 6,8 tỷ đồng lên 21 tỷ đồng, lý do chủ yếu:

- Hoàn nhập dự phòng từ đầu tư vào công ty con tăng: 12 tỷ đồng
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng : 2 tỷ đồng

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC xin trân trọng giải trình.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT
- Đính kèm BCTC Tổng hợp từ 01/07/2017 đến 30/09/2017

Người thực hiện công bố thông tin



Lê Thanh Sơn